

**TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 42

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã được soát xét của Tổng Công ty (bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các chi nhánh) cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Việt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Công Khai	Thành viên
Ông Lê Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2019)
Ông Phan Văn Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2019)
Ông Huỳnh Tấn Trí	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2019)
Ông Hoàng Trung Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Tố Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Tuyết	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hữu Việt Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Kỳ Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/06/2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Việt Đức

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Số: 20.143/BCSXTH-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1 - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

KT: TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.434.316.232.170	5.330.512.478.030
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	638.729.266.544	1.195.515.043.549
1. Tiền	111		235.156.168.705	580.435.248.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		403.573.097.839	615.079.794.685
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		226.380.511.237	325.717.077.645
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	226.380.511.237	325.717.077.645
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.680.283.572.522	2.853.145.268.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.616.645.024.277	1.574.989.104.091
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.796.108.556.208	1.112.242.897.935
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	267.529.992.037	165.913.266.216
IV. Hàng tồn kho	140		763.614.753.843	833.404.943.295
1. Hàng tồn kho	141	4.7	763.614.753.843	833.404.943.295
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		125.308.128.024	122.730.145.299
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.779.137.965	23.738.281.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.730.807.355	53.758.161.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	48.798.182.704	45.233.702.169
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.936.183.829.913	2.987.932.097.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		596.246.268.381	136.489.171.836
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.5	90.281.774.686	89.875.796.682
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	505.964.493.695	46.613.375.154
II. Tài sản cố định	220		312.993.362.334	324.641.237.160
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	225.966.444.216	236.275.863.459
Nguyên giá	222		359.377.227.724	359.111.678.724
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(133.410.783.508)	(122.835.815.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	87.026.918.118	88.365.373.701
Nguyên giá	228		115.581.822.826	115.581.822.826
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.554.904.708)	(27.216.449.125)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	157.388.753.657	160.650.084.893
1. Nguyên giá	231		163.066.561.673	163.066.561.673
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.677.808.016)	(2.416.476.780)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		377.971.713.883	988.226.378.594
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	377.971.713.883	988.226.378.594
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	1.459.936.296.656	1.340.461.179.928
1. Đầu tư vào công ty con	251		521.499.972.485	521.727.538.757
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		841.826.609.225	726.489.926.225
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		105.566.264.446	101.200.264.446
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.956.549.500)	(8.956.549.500)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.647.435.002	37.464.045.031
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		27.212.120.731	33.028.730.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.435.314.271	4.435.314.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.370.500.062.083	8.318.444.575.472

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.128.642.922.847	7.047.039.073.939
I. Nợ ngắn hạn	310		4.185.465.510.549	4.105.097.974.480
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	462.478.045.086	480.004.556.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	1.344.074.075.014	1.395.099.761.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	8.082.330	1.084.954.477
4. Phải trả người lao động	314		19.739.040.433	29.181.314.040
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	173.395.094.197	119.819.499.369
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		634.041.211	4.641.376.091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	48.133.326.693	4.595.656.801
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	2.122.979.393.561	2.058.608.594.451
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.024.412.024	12.062.261.220
II. Nợ dài hạn	330		2.943.177.412.298	2.941.941.099.459
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	233.262.683.462	218.752.852.816
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.13	255.975.557.522	295.160.806.515
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.15	82.140.583.189	82.140.583.189
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.17	53.284.595.628	53.934.312.148
5. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	388.128.324.718	350.655.047.054
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	1.895.645.932.886	1.901.051.220.904
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	34.739.734.893	40.246.276.833
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.241.857.139.236	1.271.405.501.533
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	1.241.857.139.236	1.271.405.501.533
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		110.681.891.112	110.681.891.112
3. Cổ phiếu quỹ	415		(2.615.640.000)	(2.615.640.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.234.954.825	1.526.170.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.555.933.299	61.813.080.421
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.059.844.792	16.566.703.056
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.496.088.507	45.246.377.365
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.370.500.062.083	8.318.444.575.472



Trương Xuân Thương

Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019



Phan Văn Vũ

Kế toán trưởng



Lê Hữu Việt Đức

Tổng Giám đốc

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

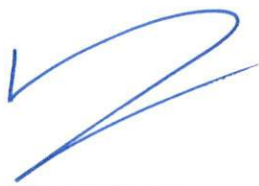
Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.263.237.337.712	1.812.842.891.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.200.549.322	12.774.196.890
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.22	2.250.036.788.390	1.800.068.694.519
4. Giá vốn hàng bán	11	4.23	2.158.848.784.112	1.765.262.607.693
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.188.004.278	34.806.086.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	78.814.898.657	109.808.718.626
7. Chi phí tài chính	22	4.25	111.753.694.058	78.422.522.860
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		105.973.558.990	77.270.573.405
8. Chi phí bán hàng	25		3.981.009.630	6.172.181.801
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	28.484.939.864	33.801.861.848
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.783.259.383	26.218.238.943
11. Thu nhập khác	31		1.329.972.493	4.148.601.003
12. Chi phí khác	32		1.617.143.369	3.529.237.401
13. Lợi nhuận khác	40		(287.170.876)	619.363.602
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.496.088.507	26.837.602.545
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.496.088.507	26.837.602.545


Trương Xuân Thương

Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019


Phan Văn Vũ

Kế toán trưởng

**Lê Hữu Việt Đức**

Tổng Giám đốc

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.496.088.507	26.837.602.545
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	15.143.153.686	16.710.394.350
Các khoản dự phòng	03		(5.490.873.868)	(3.363.578.377)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.780.135.068	(8.407.420.523)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(78.446.163.867)	(99.612.520.195)
Chi phí lãi vay	06	4.25	105.973.558.990	77.270.573.405
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		68.455.898.516	9.435.051.205
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(766.355.214.682)	(21.395.631.552)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		69.790.189.452	(178.623.119.985)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		155.083.712.353	(71.210.431.010)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.775.753.899	7.905.274.104
Tiền lãi vay đã trả	14		(115.035.933.706)	(75.058.170.157)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.435.314.271)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	200.063.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.127.980.000)	(15.473.625.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(590.413.574.168)	(348.655.904.300)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.220.562.651)	(63.661.313.283)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(110.224.433.592)	(42.623.276.368)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		209.561.000.000	296.361.593.939
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(105.866.000.000)	(44.377.673.638)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.413.880.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		62.599.484.412	33.279.090.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.150.511.831)	213.392.300.705
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	1.860.913.617.822	1.239.199.422.220
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(1.808.189.724.112)	(1.647.606.840.352)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(119.140.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.723.893.710	(408.526.558.914)

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(556.840.192.289)	(543.790.162.509)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	1.195.515.043.549	1.065.746.747.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.415.284	171.577.424
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	638.729.266.544	522.128.162.302


Trương Xuân Thương
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019


Phan Văn Vũ
Kế toán trưởng**Lê Hữu Việt Đức**
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một thành viên, tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước. Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Tổng Công ty đã cổ phần hóa chuyển thành công ty cổ phần có tên là Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 – CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 1.100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước	445.835.000.000	40,53%	445.835.000.000	40,53%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	209.000.000.000	19,00%	209.000.000.000	19,00%
Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	165.000.000.000	15,00%	165.000.000.000	15,00%
Công ty Cổ Phần Top American Việt Nam	121.000.000.000	11,00%	121.000.000.000	11,00%
Nhà đầu tư khác	159.165.000.000	14,47%	159.165.000.000	14,47%
Cộng	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019 là 490 (31/12/2018 là: 572).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp, xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị máy móc công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện;
- Tư vấn xây dựng, đầu tư xây dựng, kinh doanh điện năng. Kinh doanh khai thác cảng biển, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ;
- Mua bán vật tư;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào quy trình xây dựng đến khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	200/1/51, Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	Số 34-36 Đường số 2, Khu dân cư CityLand, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	Số 939A Xa lộ Hà Nội, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	61,69%
Công ty TNHH BT Đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699, Cụm Công Nghiệp Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	70,00%
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	Tầng 2, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP. HCM	51,00%
Công ty liên doanh, liên kết:		
Công ty CP Thủy điện Đăkr'tít	88 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	40,07%
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	Số 491 A2 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	40,80%
Công ty CP Bê Tông Biên Hòa	Đường 1A KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	40,92%
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	Lầu 5, số nhà 35, đường Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	22,38%
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	36,17%
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	168/38C Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	20,40%
Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	34,00%
Công ty CP Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23,77%
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửu Long	Số 351 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	21,89%
Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	Km 7 Phạm Văn Đồng, Phường Hòa Nghĩa, Quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng	40,00%
Công ty LD Lenex	Đường số 1, P. An Bình, Tp. BH, Đồng Nai	50,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2019 gồm:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 45, Ngõ 61, Ngách 17, Phố Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP tại Miền Trung	Số 100 Hồ Tùng Mậu, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	11.363.340.990	1.810.592.580
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	223.792.827.715	578.624.656.284
Các khoản tương đương tiền	403.573.097.839	615.079.794.685
Cộng	<u>638.729.266.544</u>	<u>1.195.515.043.549</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm.

Các khoản tương đương tiền có giá trị là 1.864.779.416 VND đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Xem thêm mục 4.18.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 6 tháng với lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,0%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019				Tại ngày 01/01/2019			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:								
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	1.785.003	24.341.502.440	[**]	-	1.785.003	24.569.068.712	[**]	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	4.871.200	51.068.598.730	[**]	-	4.871.200	51.068.598.730	[**]	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	37.522.610	375.226.097.718	[**]	-	37.522.610	375.226.097.718	[**]	-
Công ty TNHH BT Đức Săn VINA – PSMC	-	30.063.773.597	[**]	-	-	30.063.773.597	[**]	-
Công ty CP ĐT XD Số 1 Mê Kông	4.080.000	40.800.000.000	[**]	-	4.080.000	40.800.000.000	[**]	-
Cộng	48.258.813	521.499.972.485		-	48.258.813	521.727.538.757		-

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019				Tại ngày 01/01/2019			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:								
Công ty CP Thủy điện Đăk'rít	40.069.660	474.877.044.656	[**]	-	40.069.660	474.877.044.656	[**]	-
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	1.841.282	4.234.948.600	4.787.333.200	920.641.000	1.841.282	4.234.948.600	3.314.307.600	920.641.000
Công ty CP Xây dựng & Khai thác VLXD Miền Trung (*)	373.500	-	[**]	-	373.500	-	[**]	-
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật Tư (C&T)	3.621.850	9.054.625.000	19.376.897.500	3.259.665.000	3.621.850	9.054.625.000	9.054.625.000	3.259.665.000
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Tổng (*)	204.000	-	[**]	-	204.000	-	[**]	-
Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	5.100.000	64.068.750.000	[**]	-	5.100.000	64.068.750.000	[**]	-
Công ty CP Chương Dương	3.733.348	26.506.770.800	61.973.576.800	-	3.733.348	32.106.792.800	56.000.220.000	-
Công ty CP Xây dựng & KD Nhà Cừu Long	436.800	5.374.735.896	[**]	-	436.800	5.374.735.896	[**]	-
Công ty CP ĐT Đường Ven Biển Hải Phòng	-	244.936.705.000	[**]	-	-	124.000.000.000	[**]	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Hưng	2.040.000	12.773.029.273	[**]	3.696.713.992	2.040.000	12.773.029.273	[**]	3.696.713.992
Công ty Liên Doanh Lenex (*)	-	-	[**]	-	-	-	[**]	-
Cộng	57.420.440	841.826.609.225		7.877.019.992	57.420.440	726.489.926.225		7.877.019.992

(*) Theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thì khoản đầu tư này được đánh giá lại có giá trị bằng không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019				Tại ngày 01/01/2019			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty TNHH ĐT BT Cam Lộ Túy Loan	-	64.565.101.594	[**]	-	-	60.199.101.594	[**]	-
Công ty CP XD & SXVL Xây Dựng	1.148.660	12.765.320.498	[**]	-	1.093.963	12.765.320.498	[**]	-
Công ty CP XD Số Một Việt Hòa	180.000	2.141.408.839	[**]	1.079.529.508	180.000	2.141.408.839	[**]	1.079.529.508
Công ty CP XD Số 14	1.611.900	26.094.433.515	[**]	-	1.611.900	26.094.433.515	[**]	-
Cộng	2.940.560	105.566.264.446		1.079.529.508	2.885.863	101.200.264.446		1.079.529.508

Đối với các khoản đầu tư vào các công ty có giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

[**] Riêng đối với các khoản đầu tư của các công ty còn lại, tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý vào các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	240.530.670.762	126.092.437.735
Phải thu từ khách hàng:		
Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng các Công trình thuộc Sở Y Tế TP.HCM	509.405.674.185	509.405.674.185
Ban Quản Lý dự án Xây dựng Trụ Sở Công An TP.HCM (Ban QLDA 268)	107.649.182.204	107.649.182.204
Công ty TNHH Citybuilders (Vietnam)	91.303.436.640	112.434.030.566
Công ty TNHH JGC Việt Nam	70.612.182.114	161.518.632.128
Các khách hàng khác	597.143.878.372	557.889.147.273
Cộng	<u>1.616.645.024.277</u>	<u>1.574.989.104.091</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	688.063.275.074	489.263.624.195
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	241.924.415.114	160.000.269.916
Công ty Cổ Phần VNDECO	191.978.281.205	18.013.691.977
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài	185.405.279.391	97.648.485.406
Các nhà cung cấp khác	488.737.305.424	347.316.826.441
Cộng	<u>1.796.108.556.208</u>	<u>1.112.242.897.935</u>

4.5. Phải thu về cho vay dài hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu về cho vay các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	90.281.774.686	89.875.796.682

Đây là khoản cho Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng và Công ty CP Chương Dương vay, thời hạn cho vay 15 năm với lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm với số dư đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 3.866.457,16 USD tương đương với 90.281.774.686 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	84.807.651.299	49.302.587.371
Tạm ứng chi phí hoạt động	80.501.176.227	61.755.562.490
Tạm ứng khối lượng công trình	55.000.000.000	-
Phải thu khác	47.221.164.511	54.855.116.355
Cộng	267.529.992.037	165.913.266.216
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	89.180.467.994	58.731.492.512
Dài hạn:		
Phải thu liên quan đến dự án nội QL1-QL51-L1K Cầu An Hảo (dự án BOT Cầu Đồng Nai)	489.768.860.073	-
Ký cược, ký quỹ	1.721.784.825	40.151.784.825
Phải thu phí quản lý vay ADB	1.359.229.218	817.475.137
Phải thu khác	13.114.619.579	5.644.115.192
Cộng	505.964.493.695	46.613.375.154
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	504.207.141.851	6.426.023.310

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.779.649.079	-	35.226.001.823	-
Công cụ, dụng cụ	310.903.158	-	278.750.369	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	647.652.106.482	-	660.546.183.736	-
Hàng hóa bất động sản	75.015.176.632	-	134.332.380.036	-
Hàng hóa	856.918.492	-	3.021.627.331	-
Cộng	763.614.753.843	-	833.404.943.295	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 30/06/2019 là chi phí có liên quan đến các công trình xây dựng dở dang được chi tiết theo công trình như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình Bệnh viện Nhi Đồng Tp.Hồ Chí Minh	303.919.442.277	294.909.797.014
Công trình Khu Thương Mại - khách sạn - căn hộ Tropicana Nha Trang	110.413.201.418	110.400.512.559
Công trình nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	10.511.337.301	33.710.244.677
Công trình nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3	27.512.146.989	34.307.056.266
Công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi gói A1	30.239.574.205	64.216.004.196
Công trình Đường ven biển TP Hải Phòng - Cầu Văn Úc	-	21.926.731.192
Các công trình khác	165.056.404.292	101.075.837.832
Cộng	647.652.106.482	660.546.183.736

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.377.179.000	6.377.179.000
Xây dựng cơ bản dở dang	371.594.534.883	981.849.199.594
Cộng	377.971.713.883	988.226.378.594

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang đến ngày 30/06/2019 là chi phí liên quan đến các dự án sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc	337.797.253.071	291.289.430.275
Dự án Nối QL1-QL51-QL1K - Cầu An Hào	-	651.297.889.031
Dự án Cao ốc Sailing Tower	14.946.547.405	14.946.547.405
Dự án tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng – Thái Bình – PPP	6.493.885.615	9.999.551.733
Các dự án khác	12.356.848.792	14.315.781.150
Cộng	371.594.534.883	981.849.199.594

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ này là 22.516.642.254 VND (Kỳ trước: 23.204.701.121 VND).

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	299.004.068.520	34.891.843.402	19.882.026.145	4.606.331.566	727.409.091	359.111.678.724
Mua trong kỳ	-	69.249.000	-	196.300.000	-	265.549.000
Tại ngày 30/06/2019	299.004.068.520	34.961.092.402	19.882.026.145	4.802.631.566	727.409.091	359.377.227.724
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	95.477.479.357	6.574.375.693	16.046.469.442	4.230.520.962	506.969.811	122.835.815.265
Khấu hao trong kỳ	6.387.954.132	2.695.773.805	1.206.309.306	187.088.718	66.240.906	10.543.366.867
Tăng khác	-	24.972.180	-	6.629.196	-	31.601.376
Tại ngày 30/06/2019	101.865.433.489	9.295.121.678	17.252.778.748	4.424.238.876	573.210.717	133.410.783.508
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	203.526.589.163	28.317.467.709	3.835.556.703	375.810.604	220.439.280	236.275.863.459
Tại ngày 30/06/2019	197.138.635.031	25.665.970.724	2.629.247.397	378.392.690	154.198.374	225.966.444.216

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 của TSCĐ hữu hình lần lượt là 458.685.907 VND và 221.267.365.050 VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và cho các khoản vay dài hạn của các ngân hàng thương mại – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.403.816.291 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý là 2.686.632.322 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	108.280.245.926	7.301.576.900	115.581.822.826
Tại ngày 30/06/2019	108.280.245.926	7.301.576.900	115.581.822.826
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	20.278.974.705	6.937.474.420	27.216.449.125
Khấu hao trong kỳ	1.067.314.458	271.141.125	1.338.455.583
Tại ngày 30/06/2019	21.346.289.163	7.208.615.545	28.554.904.708
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	88.001.271.221	364.102.480	88.365.373.701
Tại ngày 30/06/2019	86.933.956.763	92.961.355	87.026.918.118

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2019 của TSCĐ vô hình là 85.385.156.763 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.136.626.900 VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Nhà và quyền sử dụng đất	163.066.561.673	-	-	163.066.561.673
Cộng	163.066.561.673	-	-	163.066.561.673
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà và quyền sử dụng đất	5.677.808.016	3.261.331.236		2.416.476.780
Cộng	5.677.808.016	3.261.331.236	-	2.416.476.780
Giá trị còn lại:				
Nhà và quyền sử dụng đất	157.388.753.657			160.650.084.893
Cộng	157.388.753.657			160.650.084.893

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	7.303.977.198	7.303.977.198	8.978.978.736	8.978.978.736
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	37.606.563.311	37.606.563.311	27.642.377.573	27.642.377.573
Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khang	33.168.195.022	33.168.195.022	20.530.855.545	20.530.855.545
Trung Tâm Kinh Doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh - Chi Nhánh Tổng Công Ty Dịch vụ Viễn Thông	27.284.344.242	27.284.344.242	36.156.391.341	36.156.391.341
Công ty Cổ phần Thương mại Thép INDECO	23.846.087.353	23.846.087.353	10.460.386.596	10.460.386.596
Công ty CP XD & DV TM Việt Tuấn	21.639.225.525	21.639.225.525	24.729.842.379	24.729.842.379
Phải trả cho các đối tượng khác	311.629.652.435	311.629.652.435	351.505.724.372	351.505.724.372
Cộng	462.478.045.086	462.478.045.086	480.004.556.542	480.004.556.542
Dài hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	66.318.937.758	66.318.937.758	64.293.681.314	64.293.681.314
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP XD & DV TM Việt Tuấn	13.517.793.278	13.517.793.278	5.582.981.343	5.582.981.343
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	13.253.401.525	13.253.401.525	13.253.401.525	13.253.401.525
Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khang	13.078.094.057	13.078.094.057	10.054.898.322	10.054.898.322
Phải trả cho các đối tượng khác	127.094.456.844	127.094.456.844	125.567.890.312	125.567.890.312
Cộng	233.262.683.462	233.262.683.462	218.752.852.816	218.752.852.816

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	-	-	35.035.260.696	35.035.260.696
Người mua trả tiền trước:				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Tỉnh Bình Dương	457.444.935.000	457.444.935.000	486.677.424.000	486.677.424.000
Sở Y Tế Tỉnh Trà Vinh	264.257.955.000	264.257.955.000	269.784.428.000	269.784.428.000
Công ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	140.594.109.459	140.594.109.459	133.594.109.459	133.594.109.459
Ban Quản Lý Dự Án Xây Dựng Trường Đại Học Việt Đức	122.813.200.353	122.813.200.353	53.150.951.708	53.150.951.708
Công ty CP Xây Dựng và Quản Lý Dự Án Số 1	-	-	85.113.257.474	85.113.257.474
Các khách hàng khác	358.963.875.202	358.963.875.202	331.744.330.152	331.744.330.152
Cộng	<u>1.344.074.075.014</u>	<u>1.344.074.075.014</u>	<u>1.395.099.761.489</u>	<u>1.395.099.761.489</u>
Dài hạn:				
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	-	-	5.319.727.383	5.319.727.383
Người mua trả tiền trước:				
Các khách hàng mua căn hộ tại chung cư Hạnh Phúc	220.453.435.141	220.453.435.141	217.431.325.734	217.431.325.734
Các khách hàng mua căn hộ tại chung cư Felix Home	35.522.122.381	35.522.122.381	72.409.753.398	72.409.753.398
Cộng	<u>255.975.557.522</u>	<u>255.975.557.522</u>	<u>295.160.806.515</u>	<u>295.160.806.515</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản (phải thu) và phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2019 VND
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(41.175.764.603)	226.083.817.898	227.258.988.384	(42.350.935.089)
* Thuế phát sinh	-	226.083.817.898	21.853.181.799	-
* Thuế được khấu trừ	-	-	204.230.636.099	-
* Thuế đầu ra vãng lai ngoại tỉnh	(41.175.764.603)	-	1.175.170.486	(42.350.935.089)
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.777.831.825)	-	-	(3.777.831.825)
* Thuế tạm nộp	(3.777.831.825)	-	-	(3.777.831.825)
3. Thuế thu nhập cá nhân	860.538.817	2.503.203.940	5.969.386.136	(2.605.643.379)
* Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	1.084.954.477	2.464.537.462	3.541.409.609	8.082.330
* Thuế thu nhập cá nhân phải thu	(224.415.660)	38.666.478	2.427.976.527	(2.613.725.709)
4. Các loại thuế khác	-	1.000.000	1.000.000	-
5. Phí lệ phí các khoản khác	(55.690.081)	-	-	(55.690.081)
* Phí, lệ phí	(55.690.081)	-	-	(55.690.081)
Cộng	(44.148.747.692)	228.588.021.838	233.229.374.520	(48.790.100.374)
Chi tiết như sau:				
Các loại thuế còn phải thu nhà nước	(45.233.702.169)			(48.798.182.704)
Thuế phải nộp Ngân sách	1.084.954.477			8.082.330
Cộng	(44.148.747.692)			(48.790.100.374)

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí lãi vay	6.218.487.643	7.724.763.759
Trích trước chi phí các công trình	167.176.606.554	112.094.735.610
Cộng	173.395.094.197	119.819.499.369
Dài hạn:		
Trích trước chi phí quyền sử dụng đất Block B, C, D – Khu dân cư Hạnh Phúc	82.140.583.189	82.140.583.189

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	731.326.010	691.239.520
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	43.926.320.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.475.680.683	3.904.417.281
Cộng	48.133.326.693	4.595.656.801
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	32.481.586.375	32.732.657.600
Phải trả cổ phần hóa	-	18.921.223.304
Các khoản phải trả, phải nộp khác	355.646.738.343	299.001.166.150
Cộng	388.128.324.718	350.655.047.054
Trong đó: Phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	352.569.420.405	296.000.365.212

4.17. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng tại Sailling Tower.

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:				
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tp.HCM	994.086.904.559	766.150.554.755	348.480.573.299	576.416.923.103
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	566.102.912.420	746.253.743.760	789.106.024.909	608.955.193.569
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	76.431.509.662	-	394.337.533.335	470.769.042.997
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	237.226.690.849	213.509.499.307	187.841.575.087	211.558.766.629
Công ty TNHH MTV HINOKIYA TWGROUP	154.000.000.000	135.000.000.000	-	19.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	94.131.376.071	11.646.905.400	88.424.197.482	170.908.668.153
Vay đối tượng khác	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	2.122.979.393.561	1.872.560.703.222	1.808.189.904.112	2.058.608.594.451
Dài hạn				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	329.131.769.347	-	11.646.905.400	340.778.674.747
Ngân hàng TMCP Công thương VN	184.520.295.090	-	-	184.520.295.090
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB)	1.381.993.868.449	6.241.617.382	-	1.375.752.251.067
Cộng	1.895.645.932.886	6.241.617.382	11.646.905.400	1.901.051.220.904
Tổng cộng	4.018.625.326.447	1.878.802.320.604	1.819.836.809.512	3.959.659.815.355

Tất cả các khoản vay nằm trong khả năng trả nợ của Tổng Công ty và không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được thế chấp bằng:

- Các khoản tương đương tiền với giá trị 1.864.779.416 VND – Xem thêm mục 4.1.
- Tài sản cố định với giá trị còn lại 458.685.907 VND – Xem thêm mục 4.9.
- Quyền đòi nợ phát sinh trong tương lai từ các dự án của Tổng Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng này chịu lãi suất từ 6,5%/năm đến 8,2%/năm.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 2 năm đến 25 năm chịu lãi suất từ 10,2%/năm đến 11,2%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng các tài sản:

- Tài sản cố định hữu hình thế chấp với tổng giá trị còn lại 221.267.365.050 VND – Xem thêm mục 4.9.
- Tài sản cố định vô hình thế chấp với tổng giá trị còn lại 85.385.156.763 VND – Xem thêm mục 4.10.
- Quyền thu phí tại Trạm thu phí Cầu Đồng Nai và các quyền tài sản khác theo quy định trong Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) số 22/HĐ.BOT - CĐBVN ngày 16/05/2008 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 2.435.214.850.000 VND theo chứng thư định giá số 06/CTTĐG ngày 12/12/2017 của Công ty TNHH kiểm toán AASCN.

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB) là khoản vay được Bộ Tài Chính ủy quyền cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho Tổng Công ty vay lại theo hiệp định vay số 3240 – VIE và 3242 – VIE (SF) mục đích sử dụng cho các dự án, công trình xây dựng của Tổng Công ty với tổng số dư đến thời điểm 30/06/2019 là 1.381.993.868.449 VND (tương đương 59.186.032,91 USD), thời hạn vay là 25 năm. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay này được thế chấp như sau:

- Máy móc thiết bị của Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Cao ốc Central Garden của Công ty Cổ phần Chương Dương.
- Quyền thu phí hoàn vốn của dự án BOT cầu Đồng Nai.

Tại thời điểm 30/06/2019 Tổng Công ty chưa ký hợp đồng thế chấp vì Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để ký lại phụ lục hợp đồng BOT cầu Đồng Nai.

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Dự phòng phải trả dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	27.327.108.525	28.141.570.645
Công trình XD Trụ sở làm việc công an Tp.HCM	5.726.782.521	8.408.375.046
Công trình NM Nước Thủ Đức GD III - Xây Lắp	1.685.843.847	3.696.331.142
Cộng	34.739.734.893	40.246.276.833

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	1.100.000.000.000	110.497.485.118	-	-	25.436.161.043	1.235.933.646.161
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	45.246.377.365	45.246.377.365
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.526.170.000	(1.526.170.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9.552.000.000)	(9.552.000.000)
Tăng khác	-	184.405.994	(2.615.640.000)	-	2.208.712.013	(222.521.993)
Tại ngày 01/01/2019	1.100.000.000.000	110.681.891.112	(2.615.640.000)	1.526.170.000	61.813.080.421	1.271.405.501.533
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	25.496.088.507	25.496.088.507
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.708.784.825	(3.708.784.825)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(11.118.130.804)	(11.118.130.804)
Cổ tức	-	-	-	-	(43.926.320.000)	(43.926.320.000)
Tại ngày 30/06/2019	1.100.000.000.000	110.681.891.112	(2.615.640.000)	5.234.954.825	28.555.933.299	1.241.857.139.236

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty đã bao gồm các điều chỉnh có liên quan đến việc quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 01 tháng 11 năm 2016 theo công văn số 12/KTNN-TH ngày 20/02/2019 của Kiểm toán nhà nước.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của nhà nước	445.835.000.000	445.835.000.000
Vốn góp của cổ đông chiến lược	495.000.000.000	495.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	159.165.000.000	159.165.000.000
Cộng	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Vốn góp tại ngày 30/06	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	184.200	184.200
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	109.815.800	109.815.800

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2019	1.526.170.000
Trích trong kỳ	3.708.784.825
Tại ngày 30/06/2019	<u>5.234.954.825</u>

4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	752.267,29	752.273,89

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần:		
Doanh thu xây dựng	1.623.023.490.117	1.374.122.678.082
Doanh thu bán hàng hóa	485.811.621.996	339.135.246.206
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.873.913.591	70.941.741.865
Doanh thu kinh doanh bất động sản	68.327.762.686	15.869.028.366
Cộng	<u>2.250.036.788.390</u>	<u>1.800.068.694.519</u>

Trong đó, doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xây lắp cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32:

Các công ty con	218.617.953.701	141.311.970.053
Các công ty liên kết	160.138.534.988	1.617.032.135
Cộng	<u>378.756.488.689</u>	<u>142.929.002.188</u>

4.23. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.600.521.475.347	1.383.511.736.447
Giá vốn bán hàng hóa	471.513.974.340	331.878.127.232
Giá vốn cung cấp dịch vụ	27.462.116.472	32.626.111.265
Giá vốn kinh doanh bất động sản	59.351.217.953	17.246.632.749
Cộng	<u>2.158.848.784.112</u>	<u>1.765.262.607.693</u>

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.817.677.139	18.614.369.301
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.628.486.728	81.484.770.928
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	368.647.905	957.962.593
Lãi chênh lệch tỷ giá	86.885	8.751.615.804
Cộng	<u>78.814.898.657</u>	<u>109.808.718.626</u>

Trong đó, lãi cho vay của các bên liên quan là 0 VND (Kỳ trước: 11.077.180.438 VND) – Xem thêm mục 4.32.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	105.973.558.990	77.270.573.405
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.780.135.068	-
Lỗi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	486.568.124
Chi phí tài chính khác	-	665.381.331
Cộng	111.753.694.058	78.422.522.860

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	14.803.194.479	16.514.674.365
Chi phí vật liệu quản lý	463.366.287	512.225.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	258.353.757	465.251.538
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.071.933.418	2.128.092.569
Chi phí thuế, phí, lệ phí	56.435.180	33.513.807
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.655.849.622	803.178.613
Chi phí bằng tiền khác	9.175.807.121	13.344.925.323
Cộng	28.484.939.864	33.801.861.848

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.442.320.469	38.066.222.459
Chi phí nhân công	43.812.463.499	54.600.541.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.143.153.686	16.710.394.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.563.688.951	1.451.357.023.089
Chi phí khác bằng tiền	29.886.682.232	34.679.888.202
Cộng	1.636.848.308.837	1.595.414.069.105

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty phát sinh từ các khoản thu nhập được miễn thuế. Do vậy, trong 6 tháng đầu năm 2019 Tổng Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.29. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chuyển giao giá trị dự án Cầu Đồng Nai – Giai đoạn 4 cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai thông qua ghi nhận nợ phải thu	489.768.860.073	-
Chuyển giao giá trị dự án Cầu Đồng Nai – Giai đoạn 4 cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai thông qua cân trừ tiền góp vốn mà Tổng Công ty đang giữ hộ	180.395.000.000	-
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	546.970.000	-

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.860.913.617.822	1.239.199.422.220

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.808.189.724.112	1.647.606.840.352

4.32. Thông tin về các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	Công ty con
4. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	Công ty con
5. Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn VINA-PSMC	Công ty con
6. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	Công ty liên kết
7. Công ty CP Thủy điện Đắkr'th	Công ty liên kết
8. Công ty CP Bê tông Biên Hòa	Công ty liên kết
9. Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	Công ty liên kết
10. Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh vật tư (C&T)	Công ty liên kết
11. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	Công ty liên kết
12. Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	Công ty liên kết
13. Công ty CP Chương Dương	Công ty liên kết
14. Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửa Long	Công ty liên kết
15. Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	Công ty liên kết
16. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	52.136.459.000	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	29.711.634.806	29.711.634.806
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	43.843.433.548	190.033.396
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	642.621.503	955.035.481
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	105.300.259.991	86.339.686.538
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	4.004.737.951	4.004.737.951
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	254.600	40.200
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	4.891.269.363	4.891.269.363
Cộng – Xem thêm mục 4.3	240.530.670.762	126.092.437.735
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	36.911.433.238	22.600.784.625
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	309.917.291.347	204.328.853.468
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	170.220.095.318	93.578.347.324
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	66.355.697.837	69.149.892.828
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	2.096.933.972	2.096.933.972
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	57.671.206.685	57.671.206.685
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	41.040.535.299	39.625.047.299
Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	3.446.392.500	-
Công ty CP Đầu Tư Nhân Phúc Đức	117.682.000	117.682.000
Công ty CP Xây Dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	191.130.884	-
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh vật tư (C&T)	94.875.994	94.875.994
Cộng – Xem thêm mục 4.4	688.063.275.074	489.263.624.195
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu về cho vay dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	27.040.805.608	26.919.208.835
Công ty CP Chương Dương	63.240.969.078	62.956.587.847
Cộng – Xem thêm mục 4.5	90.281.774.686	89.875.796.682

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác:		
Ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	4.423.149.079	4.513.625.141
Công ty CP Thủy điện Đăkr'th	68.166.422.000	32.103.728.000
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	126.542.624	126.542.624
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	633.877.000	633.877.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	466.667.000	466.667.000
Công ty CP Chương Dương	5.600.022.000	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	4.903.785.470	15.629.322.164
Công ty CP Xây Dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	349.440.000	-
Công ty TNHH Bê tông Đúc sẵn VINA-PSMC	3.082.560.421	3.082.560.421
Công ty CP Xây Dựng Số Một Việt Nguyên	-	1.252.750.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	1.428.002.400	676.740.600
Hội đồng quản trị	-	245.679.562
	89.180.467.994	58.731.492.512
Cộng – Xem thêm mục 4.6		
Dài hạn:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	489.768.860.073	-
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	7.470.504.387	-
Công ty CP Thủy điện Đăkr'th	5.608.548.173	5.608.548.173
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	1.347.401.476	731.305.366
Công ty CP Chương Dương	11.827.742	86.169.771
	504.207.141.851	6.426.023.310
Cộng – Xem thêm mục 4.6		

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán:		
Ngắn hạn:		
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	-	5.379.733.531
Công ty CP Chương Dương	7.303.977.198	3.599.245.205
	7.303.977.198	8.978.978.736
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	22.274.084.463	19.794.225.681
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	29.060.083.988	29.789.835.948
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	4.997.994.805	4.997.994.805
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Vật Tư (C&T)	3.031.961.136	3.131.961.136
Công ty CP Chương Dương	639.843.242	639.843.242
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	90.265	90.265
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	1.039.167.322	1.039.167.322
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	4.134.714.056	4.134.714.056
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	1.140.998.481	765.848.859
	66.318.937.758	64.293.681.314
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước:		
Ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng – Xem thêm mục 4.13	-	35.035.260.696
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên – Xem thêm mục 4.13	-	5.319.727.383
	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả dài hạn khác:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	352.569.420.405	295.923.848.212
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	-	76.517.000
	352.569.420.405	296.000.365.212

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng:		
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	141.026.228.089	107.457.090.705
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	69.331.825.370	17.512.868.082
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	2.919.344.785	3.852.910.669
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cừu Long	-	922.412.680
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	-	4.364.041.818
Cộng	<u>213.277.398.244</u>	<u>134.109.323.954</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	-	5.937.262.140
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu xây dựng - khấu trừ thầu phụ:		
Công ty CP ĐT Đường Ven Biển Hải Phòng	160.138.534.988	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Mê Kông	299.725.474	272.486.260
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	2.693.053.478	599.337.506
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	2.326.431.050	1.051.283.644
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	21.345.455	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	-	264.689.229
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Tổng	-	276.059.898
Công ty CP Chương Dương	-	386.125.589
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cừu Long	-	32.433.968
Cộng	<u>165.479.090.445</u>	<u>2.882.416.094</u>
Tổng doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và xây dựng cho bên liên quan trong kỳ là 378.756.488.689 VND (Kỳ trước: 142.929.002.188 VND) – Xem thêm mục 4.22.		
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	754.879.999	19.918.977.556
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cừu Long	-	886.079.600
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Vật Tư (C&T)	-	4.302.011.020
Cộng	<u>754.879.999</u>	<u>25.107.068.176</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dịch vụ xây lắp do các bên liên quan cung cấp:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	32.376.639.265	15.962.020.215
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	7.006.528.821	26.481.024.611
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	387.911.356.974	95.067.277.135
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	194.564.651.617	121.688.698.594
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	-	1.705.670.204
Công ty CP Chương Dương	31.587.029.084	-
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	-	7.156.465.280
Cộng	653.446.205.761	268.061.156.039
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu hồi nợ cho vay:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	-	219.551.317.571
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai – Xem thêm mục 4.24	-	11.077.180.438
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu hộ lãi cho vay:		
Công ty CP Chương Dương	1.215.605.791	779.243.810
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	517.948.429	333.768.470
Cộng	1.733.554.220	1.113.012.280
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí quản lý cho vay:		
Công ty CP Chương Dương	166.142.098	224.586.439
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	97.495.232	95.988.458
Cộng	263.637.330	320.574.897

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Góp vốn:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	-	20.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	120.936.705.000	18.000.000.000
Cộng	<u>120.936.705.000</u>	<u>38.000.000.000</u>
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi hộ cổ tức trả cho cổ đông bên ngoài:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	-	14.155.800.000
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi hộ khoản hoàn trả vốn cho nhà đầu tư bên ngoài:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	11.390.000.000	-
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Nhận tiền thu phí đường bộ:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	248.524.403.200	274.333.540.000
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chuyển giao giá trị dự án về công ty con:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	670.163.860.073	-
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cán trừ tiền góp vốn mà Tổng Công ty đang giữ hộ với giá trị dự án Cầu Đồng Nai – Giai đoạn 4 đã chuyển giao:		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	180.395.000.000	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang (*)	1.428.002.400	1.691.851.500
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	1.632.000.000	1.224.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	-	19.041.067.528
Công ty CP Thủy điện Đắkr'th	68.118.422.000	60.104.490.000
Công ty CP Chương Dương (*)	5.600.022.000	6.346.691.600
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	349.440.000	349.440.000
Cộng	<u>77.127.886.400</u>	<u>88.757.540.628</u>

(*) Cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ có 5.827.588.272 VND điều chỉnh giảm giá trị các khoản đầu tư do lợi nhuận này đã dùng để đánh giá tăng vốn nhà nước trong giai đoạn cổ phần hóa 31/10/2016.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tổng Công ty được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.407.830.000	2.349.356.000
4.33. Thu nhập Ban kiểm soát		

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	404.542.000	372.252.000

4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Tổng Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	46.409.890.423	37.954.301.285

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty có các khoản nhận thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	64.205.776.510	67.037.808.443
Trên 1 năm đến 5 năm	69.090.919.478	68.689.845.188
Cộng	<u>133.296.695.988</u>	<u>135.727.653.631</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính tổng hợp.



Trương Xuân Thương
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2019



Phan Văn Vũ
Kế toán trưởng



Lê Hữu Việt Đức
Tổng Giám đốc